TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 9 - 2018
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thật.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Bé.

2. Ông Lê Văn Lý.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Trọng Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp T3, xã T1, huyện T, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Phan Văn N, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp T3, xã T1, huyện T, tỉnh Long An.

Bà M vắng mặt nhưng có đề nghị giải quyết vắng mặt; ông N vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị M: Trong quá trình giải quyết vụ án bà M xác định khởi kiện yêu cầu:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M yêu cầu được ly hôn với ông Phan Văn N.

- Về con chung: Bà M yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Phan Nguyễn Gia A, sinh ngày 06/9/2011. Bà M không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung, con chung Phan Nguyễn Gia A đang sống với ông N.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Yêu cầu, đề nghị của bị đơn – ông Phan Văn Nu:

- Về hôn nhân: Ông Phan Văn N không đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị M.

Trường hợpToà án giải quyết cho ly hôn thì ông N có ý kiến:

- Về con chung: Ông N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Phan Nguyễn Gia A, sinh ngày 06/9/2011. Ông N không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con chung, con chung Phan Nguyễn Gia A đang sống với ông N.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Ông N thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tình tiết của vụ án:

Các đương sự thống nhất những nội dung như sau: Bà M và ông N có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T vào năm 2010. Trong quá trình chung sống, bà M và ông N có một người con chung tên Phan Nguyễn Gia A, sinh ngày 06/9/2011, con chung hiện do ông N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, ông N và bà M đã sống ly thân từ đầu năm 2017. Trong trường hợp Toà án giải quyết cho ông N và bà M ly hôn thì bà M và ông N thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết về chia tài sản chung, nợ chung.

Các tài liệu, chứng cứ do các đương sự đã cung cấp như tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của Tòa án nhân dân huyện T.

Những nội dung các đương sự không thống nhất được:

Bà Nguyễn Thị M trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cải vã, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Bà M nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, bà M không còn tình cảm gì với ông N nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông N và yêu cầu được nuôi con chung tên Phan Nguyễn Gia A, sinh ngày 06/9/2011, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Phan Văn N trình bày: Cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn nhỏ chưa đến mức phải ly hôn, ông N đang cố gắng sửa chữa để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Ông N còn thương vợ không muốn ly hôn, ông N mong bà M quay về đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình, chăm sóc con cái. Hai vợ chồng ông N đã sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay là do bà M đi làm ở trên thành phố Hồ Chí Minh. Ông N không đồng ý ly hôn với bà M. Trong trường hợp Toà án giải quyết cho bà M và ông N ly hôn thì ông N có ý kiến: Ông

N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Phan Nguyễn Gia A, sinh ngày 06/9/2011, ông N không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bà Nguyễn Thị M có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T vào năm 2010 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà M khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con chung là quan hệ pháp luật được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình, ông N đang sinh sống tại ấp T3, xã T1, huyện T, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hoá theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về việc giải quyết vắng mặt bà Nguyễn Thị M và ông Phan Văn N:* Xét thấy, bà Nguyễn Thị M có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, ông Phan Văn Nu đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt bà M và ông N.

[3] *Về hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị M và ông Phan Văn N:* Xét thấy, bà Nguyễn Thị M trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa bà M và ông N là do tính tình hai bên không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, hiện bà M và ông N đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Ông N trình bày giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là không trầm trọng, còn có thể hàn gắn được và ông N còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn. Ông N mong bà M quay về đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình và chăm sóc con cái. Tuy nhiên, bà M xác định hiện tại bà M không còn tình cảm với ông N và không còn tin tưởng vào lời hứa của ông N. Ông N không đồng ý ly hôn nhưng quá trình giải quyết vụ án ông N không đưa ra biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa bà M và ông N là không thể hàn gắn được, tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân chỉ đạt được khi trong cuộc sống cả hai cùng quan tâm đến nhau và cả hai đương sự phải còn tình cảm với nhau nhưng bà M đã không còn tình cảm với ông N và vẫn cương quyết ly hôn nên căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông N.

[4] *Về con chung:* Bà M và ông N trình bày thống nhất có một con chung Phan Nguyễn Gia A, sinh ngày 06/9/2011. Khi ly hôn bà M và ông N đều có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu bên còn lại phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, con chung Phan Nguyễn Gia A hiện đang do ông N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu An có nguyện vọng được

chung sống với ông N. Xét về điều kiện hiện hiện nay, bà M hiện làm thuê nhà trọ để đi làm công nhân ở thành phố Hồ Chí Minh, và thu nhập khoảng 4.000.000đ/tháng. Ông N hiện nay ở nhà làm ruộng, theo bà M trình bày thì ông N có diện tích đất ruộng khoảng 01 ha đất. Hội đồng xét xử xét thấy, ông N ở nhà làm ruộng sẽ có thời gian chăm sóc con hơn bà M, cháu An cũng có nguyện vọng muốn sống với cha và hiện nay cháu An đang học ổn định, trường cách nhà khoảng 02 km, ông N vẫn thường xuyên đưa đón cháu An đi học nên việc giao con chung cho ông N nuôi dưỡng sẽ đảm bảo ổn định cuộc sống và tạo điều kiện phát triển tâm sinh lý bình thường của cháu An. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung của bà M, giao con chung Phan Nguyễn Gia A cho ông N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, bà M không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông N không có yêu cầu.

[5] *Về chia tài sản chung và nợ chung:* Bà M và ông N đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M đối với ông Phan Văn N.

1. *Về hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Phan Văn N.

2. *Về con chung:* Ông Nguyễn Văn N được quyền nuôi con chung tên Phan Nguyễn Gia A, sinh ngày 06/9/2011. Bà Nguyễn Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Con chung Phan Nguyễn Gia A hiện do ông N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về chia tài sản chung, nợ chung:* Do các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. *Về án phí:*

Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Khấu trừ số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà M đã nộp theo biên lai số 0004030 ngày 10 tháng 4 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T sang thi hành án phí. Bà M đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Phan Văn N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

6. *Về việc thi hành án:* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- UBND xã (thị trấn) nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thật